

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:144/2023/DS-PT
Ngày 15 tháng 6 năm 2023
V/v tranh chấp “Hợp đồng gia
công”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy Hà, ông Nguyễn Hoàng Thám

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mộng Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 58/2023/TLPT-DS ngày 13 tháng 3 năm 2023; về “*Tranh chấp hợp đồng gia công*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 139/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022, của Toà án nhân dân huyện CM bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 110/2023/QĐPT-DS ngày 26 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông H, sinh năm 1972; nơi cư trú: Số 38/7, ấp T2, thị trấn ML, huyện CM, tỉnh An Giang; (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà H1, sinh năm 1982; nơi cư trú: Ấp AB, xã HB, huyện CM, tỉnh An Giang; (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có Luật sư Bùi Quốc Nam thuộc Chi nhánh Công ty Luật TNHH MTV A-T; (có mặt)

Địa chỉ: Số 423, khóm MH, thị trấn ML, huyện CM, tỉnh An Giang.

3. *Người làm chứng:* Ông T (Boul), sinh năm 1976, cư trú: ấp AM, xã HA, huyện CM, tỉnh An Giang; có ý kiến xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông H trình bày: Tháng 4/2021 ông T (Boul) là thợ xây nhà cho bà H1 có giới thiệu cho ông H; để ông H làm 02 bộ cửa nhà với giá 6.000.000 đồng/m² và gia công ốp gỗ 01 cây cầu thang với giá 25.000.000 đồng cho bà H1; tổng cộng số tiền vừa tiền công, tiền gỗ là 153.000.000 đồng. Khi ông thực hiện xong các sản phẩm, ông H có nhận được số tiền 80.000.000 đồng, còn lại 73.000.000 đồng bà H1 không giao tiếp tục trả cho ông H; trong khi đó công trình đã hoàn thành và bà H1 cũng đã sử dụng; ông H có thừa ra ấp An Lương, xã HB; nhưng hai bên không thống nhất, bà H1 vẫn không trả số tiền còn lại cho ông H. Nay ông H yêu cầu bà H1 có nghĩa vụ trả cho ông số tiền gia công còn thiếu lại là 73.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà H1 trình bày: Không thống nhất với yêu cầu của ông H, lý do là khi thực hiện công trình thì 02 bộ cửa đi, không đúng như thỏa thuận ban đầu; còn phần cầu thang ông H nhận gỗ làm cầu thang bị thất thoát, hiện nay cầu thang bị lỗi phải chấp vá, gỗ bị hao hụt; thỏa thuận ban đầu ông H nói nhận gỗ sẽ làm hoàn thiện gia công cầu thang, tủ bếp, tủ cầu thang, tủ ti vi nhưng khi ông H làm chưa hết phần cầu thang thì bà phát hiện số gỗ bị mất; nên giữa bà với ông H có xảy ra tranh chấp. Lúc đầu ông H có thỏa thuận với bà khi phần gỗ hao hụt thì đền cho bà 30.000.000 đồng; sau đó tiếp tục hoàn thiện công trình mà ông H đã thỏa thuận làm cho bà H1; nhưng ông H không thực hiện, khoảng 5, đến 6 tháng bà H1 có nói với ông T (Boul) việc này, ông H không thực hiện tiếp tục, thì bà H1 thuê thợ khác thực hiện tiếp tục công trình còn lại. Nay ông H yêu cầu bà H1 có nghĩa vụ trả lại số tiền gia công còn thiếu là 73.000.000 đồng thì bà không đồng ý; trong khi ông H không giải quyết cho bà phần gỗ hao hụt; 02 bộ cửa đi không đủ chất lượng. Bà H1 yêu cầu thẩm định bộ cửa không đúng chất lượng như thỏa thuận ban đầu, cầu thang chấp vá, những công trình bỏ dở nửa chừng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07 tháng 6 năm 2022 ông T trình bày: Ông là thầu xây dựng nhà bà H1, ông có giới thiệu ông H cho bà H1 làm 02 bộ cửa và 01 cầu thang, số tiền thỏa thuận và hợp đồng dịch vụ do hai bên tự thỏa thuận (bao gồm thời gian công việc và tiền gỗ). Thời gian đó ông vừa xây nhà còn anh H thì đang làm cửa và cầu thang cho bà H1. Đối với 02 bộ cửa thì gỗ là của ông H, ông H hưởng tiền trên m². Trong thời gian làm thì ông H có nhận tiền cọc của bà H1, số tiền bao nhiêu thì ông không rõ.

Về phần cầu thang thì ông H làm ăn công số tiền trên m² (số gỗ làm cầu thang là gỗ của bà H1). Trong thời gian làm thì giữa ông H với bà H1 xảy ra mâu thuẫn giữa gỗ mỏng và gỗ dày; trong khi đó ông H đã làm hoàn thành. Đối với phần cầu thang bà H1 cho là mất gỗ, nhưng khi giao gỗ thì không có nói số lượng gỗ là bao nhiêu. Hiện nay thì ông H đã giao 02 bộ cửa, và cầu thang cho bà H1 sử dụng rồi. Đối với việc tranh chấp thì ông không có ý kiến, do ông bận công việc gia đình và còn đi làm ăn xa nên ông xin vắng mặt tại các buổi hòa giải và xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số:139/2022/DS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện CM đã xử:

Căn cứ Điều 275; Điều 280; Điều 357; Điều 401; Điều 542; Điều 543; Điều 544; Điều 545; Điều 546 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

Buộc bà H1 có nghĩa vụ trả số tiền hợp đồng gia công cho ông H số tiền 73.000.000 đồng (bảy mươi ba triệu đồng).

2. Về chi phí tố tụng: Bà H1 phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Chi phí này bà đã nộp đủ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H1 phải chịu 3.650.000 (ba triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông H số tiền tạm ứng án phí 1.825.000 đồng (một triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010473 ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM.

Bản án còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền kháng cáo và thời hạn yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 05/10/2022 bị đơn bà H1 kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, còn không hủy thì sửa án bác yêu cầu của nguyên đơn;

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau hướng giải quyết vụ án;

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn phát biểu ý kiến: Tại phiên tòa hôm nay, ông H khai về bộ cửa ông H xác định đây là quan hệ mua bán chứ không phải làm gia công; hợp đồng có bàn bạc ông T chủ xây dựng nhà cho bà H1; thỏa thuận cửa độ dày 5,5 phân, thực tế đo lại không đúng cam kết ban đầu; việc ông T trao đổi với ông H chưa được đối chất làm rõ; tuy nhiên tại phiên tòa bà H1 đồng ý trả thêm cho ông H 30.000.000đ;

Bị đơn bà H1 ý kiến thêm, nếu không đồng ý thì yêu cầu ông H tháo bộ cửa lại;

Nguyên đơn ông H, tôi chuyển chứng từ đòi tiền cho chị H1, sau đó chị H1 chuyển tôi 50.000.000đ; chứng tỏ chị H1 đồng ý mới chuyển tiền cho tôi; còn về

chất lượng phải do chuyên môn mới biết; nên tôi vẫn yêu cầu như ban đầu chị H1 phải trả 73.000.000đ;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng quy định của pháp luật;

- Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, qua trình bày của các đương sự tại phiên tòa, xét thấy cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ; tuy nhiên, xét thấy trong vụ này cũng có lỗi của mỗi bên, cần buộc mỗi bên phải chịu theo tỷ lệ lỗi, nguyên đơn phải chịu 20%; bị đơn phải chịu 80% lỗi của mình; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn; sửa án sơ thẩm theo tỷ lệ lỗi nêu trên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Bị đơn bà H1 nộp đơn kháng cáo trong hạn luật định, được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử giải quyết theo thủ tục chung;

[3] Xét nội dung yêu cầu kháng cáo của bà H1, cùng lời trình bày tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử nhận thấy;

[3.1] Về nội dung tranh chấp: ông H có nhận làm 02 bộ cửa chính bằng gỗ cẩm xe trám gỗ bên Nam Phi có ốp cột với số tiền là 6.000.000đồng/m² và gia công 01 cầu thang tay lượn bằng gỗ Hương, gỗ làm cầu thang do bà H1 cung cấp với tổng tiền công là 25.000.000đồng; bà H1 đã đặt cọc số tiền là 30.000.000đồng; tháng 07/2021, ông H đã hoàn thành việc lắp đặt xong 02 bộ cửa và toàn bộ cầu thang cho nhà bà H1.

[3.2] Sau khi hoàn thành công việc, đối với tiền của 02 bộ cửa 21,358m² x 6.000.000đ/m² = 128.000.000đồng; tiền công cầu thang 25.000.000đồng, tổng cộng là 153.000.000đồng; ngày 27/07/2021, bà H1 chuyển khoản trả 50.000.000đồng, còn nợ lại 73.000.000đồng; đến nay bà H1 không thanh toán số tiền còn lại; ông H yêu cầu bà H1 trả 73.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi;

Bà H1 cho rằng 02 bộ cửa đi không đúng như thỏa thuận độ dày 5,5 cm; cầu thang bị chấp vá nhiều mảnh, gỗ bị hao hụt, thất thoát; gỗ bị mất; nên không đồng ý trả tiếp số tiền 73.000.000đ cho ông H;

[3.3] Ông H và bà H1 đã thỏa thuận thống nhất với nhau về giá, chất lượng loại gỗ là đúng chủng loại; các đương sự chỉ tranh chấp về quy cách và độ dày của sản phẩm; nên trong trường hợp này Tòa án không nhất thiết định giá tài sản đang tranh chấp;

[4] Xét thấy, hợp đồng giữa bà H1 và ông H không được lập thành văn bản, không có người chứng kiến sự việc, hai bên chỉ hợp đồng miệng với nhau. Ông H đã hoàn thành gia công đối với 02 bộ cửa và cầu thang cho bà H1, nhưng bà H1 cho rằng, ông H làm 02 bộ cửa không đúng chất lượng và phần cầu thang thì ông H chấp vá và thất thoát gỗ; giữa bà H1 và ông H không thỏa thuận rõ, cụ thể về quy cách, có được chấp vá gỗ hay không, bà H1 cho rằng ông H làm hao hụt gỗ, tuy nhiên đây chỉ là ý kiến của bà H1, bà không đưa ra được chứng cứ cụ thể để ràng buộc trách nhiệm lẫn nhau;

[5] Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang ghi nhận: Đối với bộ cửa độ dày của khung ốp bộ cửa chỉ có 3,9cm; theo lý giải của ông H thợ làm mộc thì quy cách làm khung cửa ốp chỉ làm 4cm; nhưng đo thực tế 3,9cm; còn bà H1 cho rằng thỏa thuận độ dày 5,5cm; nhưng không có gì chứng minh có sự thỏa thuận này giữa ông H và bà H1; nên không có cơ sở xem xét; theo biên bản thẩm định ngày 09/6/2023, thì tổng diện tích 02 bộ cửa đi $22,29\text{m}^2$ ($22,29\text{m}^2 \times 6.000.000\text{đ}/\text{m}^2 = 133.740.000\text{đ}$); nhưng ông H chỉ yêu cầu diện tích $21,385\text{m}^2$ với tiền 128.000.000đ; là có lợi cho bà H1, nhưng về độ dày chưa đảm bảo của bộ cửa; tuy nhiên, 02 bộ cửa không đúng quy cách như trình bày của ông H, nên có phần lỗi của ông H;

[6] Đối với quy cách làm Cầu Thang, theo lý giải của ông H đối với phần Cầu Thang sở dĩ, lắp ghép nhiều ở phần mặt đi là do cưa gỗ bị thiếu và không đủ quy cách, có báo cho bà H1 biết trước nên mới ghép vào; nhưng không được bà H1 thừa nhận; tại biên bản thẩm định ngày 09/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang cho thấy Cầu Thang toàn bộ mặt đi đều có ghép từ 3, 4 và 5 miếng gỗ trở lên; tại phiên tòa phúc thẩm, phía ông H có cung cấp hình ảnh có cưa gỗ bề mặt ngang 1,9cm đến 20cm; các đương sự đều thừa nhận giao gỗ 21 khúc; loại gỗ đúng của bà H1 giao; nên quy cách cầu thang chấp ghép nhiều là có lỗi của ông H một phần,

[7] Xét thấy, đây là hợp đồng gia công nhưng các bên không làm hợp đồng rõ ràng, từng nội dung cụ thể để có cơ sở ràng buộc lẫn nhau; chỉ giao dịch qua lại bằng lời nói với nhau; mặc dù tài sản có giá trị tương đối lớn; giao dịch giữa các bên không ai làm chứng; thông qua ông T chủ đầu tư, nhưng ông T có lời khai việc thỏa thuận là do hai bên biết (giữa bà H1 và ông H); ông có đơn xin vắng mặt nên không thể đối chất được với nhau; trong vụ án này cần xác định lỗi của mỗi bên đều có; tuy nhiên xét về bản chất vụ việc, thì bà H1 đã nhận sản phẩm là 02 bộ cửa đi và cầu thang đã sử dụng từ năm 2021 cho đến nay; trách nhiệm lỗi thuộc về phía bà H1 nhiều hơn; Hội đồng xét xử xác định lỗi do bà H1 là 80%, một phần lỗi của thợ gia công làm chưa đảm bảo quy cách của sản phẩm nên phải chịu 20%

Tổng số tiền ông H yêu cầu 153.000.000đ (02 bộ cửa đi giá trị 128.000.000đ; toàn bộ cầu thang 25.000.000đ); lỗi bà H1 phải chịu là 122.400.000đ; (lỗi của ông H là 30.600.000đ);

Bà H1 trả được 80.000.000đ, nên cần buộc bà H1 tiếp tục trả tiếp cho ông H số tiền 42.400.000đ

Các phần Quyết định còn lại của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Chi phí tố tụng ở cấp phúc thẩm, bà H1 đã thực hiện xong.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm: bà H1 phải chịu 2.120.000đ đối với tiền được chấp nhận; ông H phải chịu 1.530.000đ phần không được chấp nhận;

[10] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 2 điều 148; điều 296 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà H1

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 139/2022/DS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện CM đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông H.

Buộc bà H1 có nghĩa vụ trả số tiền hợp đồng gia công cho ông H số tiền 42.400.000 đồng (bốn mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí tố tụng: Bà H1 phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.135.000 đồng. Chi phí này bà H1 đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H1 phải chịu 2.120.000 đồng (*hai triệu một trăm hai mươi nghìn*) án phí dân sự sơ thẩm .

Ông H phải chịu 1.530.000 đồng (*một triệu năm trăm ba mươi nghìn*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.825.000đ đã nộp theo biên

lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010473 ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM; Ông H được nhận lại số tiền 295.000 đồng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà H1 được nhận lại số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012526 ngày 09/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CM, tỉnh An Giang.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC (1)
- VKSND.AG (1)
- TAND huyện (1)
- THA huyện (1).
- Tòa Dân sự (2)
- Văn phòng.(1)
- Phòng KTNV & THA (1)
- Đương sự “ Đề thi hành ”
- Lưu: HS.

Nguyễn Văn Sơn